

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2023
"Về ly hôn và tranh
chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐSTDS ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Kiều Tra, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phát Đạt, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7 Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/9/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tr trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị Tr và anh M kết hôn với nhau năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì sống rất hạnh phúc nhưng không được bao lâu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống

không hợp với nhau, nguyên nhân chính là trong việc chi phí tiền bạc, anh M không cùng vợ con lo làm ăn, mỗi lần chị Tr nói thì bị anh M đánh, chị cố gắng kéo dài thời gian để duy trì tình cảm nhưng không mang lại hiệu quả mà mâu thuẫn cho đến nay. Nên chị Tr quyết định làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị Tr xác định chị và anh Mừng có 02 đứa con chung đặt tên Huỳnh Nhật D, sinh ngày 20/4/2012 và Huỳnh Thị Kiều O, sinh ngày 07/4/2020, hiện nay chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng .

Về tài sản và nợ: chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng mà không ý kiến.

*** *Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh M đã được Tòa án triệu tập đến lần hai mà vắng mặt không lý do.

*** *Kiểm sát viên phát biểu:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Tr và anh M có đăng kết hôn 2011, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh M, xét thấy, hôn nhân giữa chị Tr và anh M là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống với nhau do có nhiều mâu thuẫn nên chị Tr khởi kiện xin ly hôn với anh M nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

- Về con chung: Chị Tr xác định có 02 đứa con, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Nhật D, sinh ngày 20/4/2012 và cháu Huỳnh Thị Kiều O, sinh ngày 07/4/2020. Hiện nay chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh M từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay không ý kiến, xét thấy yêu cầu của chị Tr là có cơ sở phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và phù

hợp với nguyện vọng của cháu Nhựt D nên đề nghị HĐXX giao cháu Nhựt D và Kiều O cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt thông báo cho anh M biết về việc chị Tr xin ly hôn với anh M, hết thời hạn quy định trong thông báo anh M không ý kiến, hai lần Tòa án tổ chức phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh M không tham gia nên được xác định là những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai phiên tòa anh M vắng mặt không lý do, nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh M chung sống với nhau như vợ chồng năm 2011 đến năm 2019 đăng ký kết, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chị Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh M, xét thấy; hôn nhân giữa chị Tr và anh M xác lập năm 2011 có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh M thấy rằng*: Tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể đó là, vợ chồng mà không quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng, nay chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M, anh M thì Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhằm nhưng anh M không đến tham gia hòa giải cũng không ý kiến khai nại gì, hai lần xét xử không có mặt, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh M thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr cho chị Tr được ly hôn với anh Huỳnh Văn M theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. *Về con chung*: Chị Tr xác định chị và anh M có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi con, xét thấy yêu cầu của chị Tr là tự

nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhựt D nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr giao cháu Huỳnh Nhựt D, sinh ngày 20/4/2012 và Huỳnh Thị Kiều O, sinh ngày 07/4/2020, cho chị Tr nuôi dưỡng sau khi chị Tr ly hôn ới anh M (hiện nay cháu Duy và cháu O đang sống với chị Tr)

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[4].*Về tài sản; về nợ:* Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Huỳnh Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

[2]. *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Nhựt D, sinh ngày 20/4/2012 và Huỳnh Thị Kiều O, sinh ngày 07/4/2020, cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng (hiện nay cháu D và cháu Kiều O đang sống với chị Tr)

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[4].*Về tài sản; về nợ:* Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4].*Về án phí sơ thẩm:* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn. Buộc chị Huỳnh Thị Kiều Tr phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0001002 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Tr đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2023) đương sự vắng

mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tổng đạt hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê